

Số: 520 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 16 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 04/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29/12/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 17/TTr-SVHTTDL ngày 26/01/2022 và của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị, gồm 156 thủ tục hành chính, trong đó:

Phụ lục 1. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 129 thủ tục.

Phụ lục 2. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: 20 thủ tục.

Phụ lục 3. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: 07 thủ tục.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện và UBND cấp xã xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định: số 326/QĐ-UBND ngày 05/02/2020, số 552/QĐ-UBND ngày 21/3/2021, số 1367/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 và số 2103/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Lưu: VT, NC_(Y,Tr).

CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Di sản văn hóa: 14 TTHC						
1	2.001631.000.00.00.H50	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 - Thông tư 07/2004/TT-BVHTTDL ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	1.003838.000.00.00.H50	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài,	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một

		tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương					số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 - Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ
3	2.001613.000.00.00.H50	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 - Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ
4	1.003793.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010

							- Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ
5	2.001591. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	3 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 - Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ
6	1.003738. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010

							- Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ - Thông tư 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
7	1.003646.000.00.00.H50	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	100 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 - Thông tư 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
8	1.003835.000.00.00.H50	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện	100 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày

		vật					21/9/2010 - Thông tư 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
9	1.001106. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính ; - Thông tư 02/2017/TT-BVHTTDL ngày 05/7/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ
10	1.001123. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ
11	1.001822.	Thủ tục cấp	5 ngày làm việc	Trung tâm	Trực tiếp/	Không	- Luật Di sản văn hóa số

	000.00.00. H50	chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích		Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính		28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ
12	1.002003. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính
13	1.003901. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ - Nghị định số 142/2018/NĐ- CP ngày 09/10/2018
14	2.001641. 000.00.00.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Trực tiếp/ Trực tuyến/	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày

	H50	đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích		hành chính công tỉnh	qua dịch vụ bưu chính		29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ ; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ
II Lĩnh vực Điện ảnh: 02 TTHC							
15	1.003035. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	- 3.600.000 đồng (Phim thương mại: Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập) - 2.200.000 đồng (Phim thương mại: Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút: Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.) - 2.400.000 đồng (Phim phi thương mại: Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) Độ dài từ 101 - 150 phút tính	- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 ngày 6 tháng 2009; - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim;

		biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)				thành 1,5 tập Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập) - 1.600.000 đồng (Phim phi thương mại: Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.) Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.	- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.
16	1.003017.000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	- 3.600.000 Đồng (Phim thương mại: Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập) - 2.200.000 Đồng (phim thương mại: Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút: Độ dài từ 61 phút trở lên thu	- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 ngày 6 tháng 2009; - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013

						nếu phim truyện.) - 2.400.000 Đồng (Phim phi thương mại: Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.) - 1.600.000 Đồng (Phim phi thương mại: Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện) Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.	- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.
III	Lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm: 12 TTHC						
17	1.001833.000.00.00.H50	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018

		Văn hóa, Thể thao và Du lịch)					của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
18	1.001809.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
19	1.001778.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
20	1.001755.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	07 ngày làm việc hoặc 20 ngày đối với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

21	1.001738. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
22	1.001704. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm
23	1.001671. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
24	1.001229. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức,	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển

		cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp				lãm
25	1.001211.000.00.00.H50	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm

26	1.001191. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm
27	1.001182. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm

			lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp				
28	1.001147. 000.00.00. H50	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm
IV Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn: 04 TTHC							
29	1.009397. 000.00.00. H50	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Phí: Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật (tính trên 01 chương trình, vở diễn): - Đến 50 phút: 1.500.000 đồng	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

		diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)				- Từ 51 đến 100 phút: 2.000.000 đồng -Từ 101 đến 150 phút: 3.000.000 đồng -Từ 151 đến 200 phút: 3.500.000 đồng -Từ 201 phút trở lên: 5.000.000 đồng Trường hợp miễn phí: Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia (theo quy định tại Thông tư số <u>288/2016/TT-BTC</u> ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	
30	1.009398.000.00.00.H50	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	- Nghị định số <u>144/2020/NĐ-CP</u> ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn

		Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)					
31	1.009399.000.00.00.H50	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	- Nghị định số <u>144/2020/NĐ-CP</u> ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn
32	1.009403.000.00.00.H50	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	- Nghị định số <u>144/2020/NĐ-CP</u> ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.
V	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở: 12 TTHC						
33	1.003676.000.00.00.H50	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ - Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2015
34	1.003654.000.00.00.H50	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ - Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2015
35	1.004659.	Thủ tục công	10 ngày làm việc	Trung tâm	Trực tiếp/	Không	- Thông tư 08/2014/TT-

	000.00.00. H50	nhận lại Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.		Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính		BVHTTDL ngày 24/09/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
36	1.004650. 000.00.00. H50	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/06/2012 - Nghị định 181/2013/NĐ-CP 14/11/2013 - Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL
37	1.004645. 000.00.00. H50	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/06/2012
38	1.004639. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1. Mức thu lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam như sau: Cấp mới: 3.000.000 đồng/Giấy phép. 2. Lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/06/2012 - Nghị định 181/2013/NĐ-CP 14/11/2013 của Chính phủ - Nghị định 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ - Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL - Thông tư 165/2016/TT-BTC

						cáo nước ngoài tại Việt Nam thu bằng Đồng Việt Nam.	ngày 25/10/2016
39	1.004666. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp	1. Mức thu lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam như sau: Cấp lại, sửa đổi, bổ sung: 1.500.000 đồng/Giấy phép. 2. Lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam thu bằng Đồng Việt Nam.	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 - Nghị định 181/2013/NĐ-CP 14/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ - Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính
40	1.004662. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp	1. Mức thu lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam như sau: Cấp lại, sửa đổi, bổ sung: 1.500.000 đồng/Giấy phép.	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/06/2012 - Nghị định 181/2013/NĐ-CP 14/11/2013 của Chính Phủ - Nghị định 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ - Thông tư 10/2013/TT-

						2. Lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam thu bằng Đồng Việt Nam.	BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính
41	1.001029. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke: <i>1. Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</i> - Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 4.000.000 đồng/giấy; - Từ 04 đến 05 phòng mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy - Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy. <i>2. Tại khu vực khác:</i> - Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/giấy; - Từ 04 đến 05 phòng	- Nghị định số 54/2019/ ND-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ . - Thông tư số 01/2021/ TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính

						mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy - Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy.	
42	1.001008.000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường <i>1. Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</i> Mức thu phí thẩm định là 15.000.000 đồng/ giấy <i>2. Tại các khu vực khác:</i> Mức thu phí thẩm định là 10.000.000 đồng/ giấy.	- Nghị định số 54/2019/ ND-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ - Thông tư số 01/2021/ TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính .
43	1.000963.000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	4 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke: <i>1. Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</i> Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh	- Nghị định số 54/2019/ ND-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ - Thông tư số 01/2021/ TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính

						karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/ lần thẩm định. <i>2. Tại khu vực khác:</i> Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/ lần thẩm định. <i>3. Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke:</i> Đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.	
44	1.000922.000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ	4 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường:	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ - Thông tư số 01/2021/ TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ

		vụ vũ trường				Đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.	Tài chính .
VI	Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa: 05 TTHC						
45	1.003784. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/4/2012 - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
46	1.003743. 000.00.00. H50	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/4/2012 - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ; - Thông tư 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/06/2016 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,

							Thể thao và Du lịch
47	2.001496. 000.00.00. H50	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Lệ phí : 100.000 Đồng (Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định. Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.) Lệ phí : 300.000 Đồng (Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/4/ của Chính phủ - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

						15.000.000 đồng).	
48	1.003608. 000.00.00. H50	Thủ tục phê duyet nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tính	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Phí:1.600.000đồng (Phim ngắn phi thương mại, Độ dài đến 60 phút. phim ngắn, phi thương mại, Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện phi thương mại. Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.) Phí:2.200.000đồng (Phim ngắn thương mại có Độ dài đến 60 phút. Với phim ngắn thương mại, Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện thương mại, Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện thương mại. Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/4/ của Chính phủ - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

						bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.) Phí:2.400.000đồng (Phim truyện phi thương mại, Độ dài đến 100 phút (1 tập phim); phim truyện phi thương mại, Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; phim truyện phi thương mại, Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.) Phí:3.600.000đồng (Phim truyện thương mại,Độ dài đến 100 phút (1 tập phim); Phim truyện thương	
--	--	--	--	--	--	---	--

						mại. Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; Phim truyện thương mại. Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.)	
49	1.003560. 000.00.00. H50	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Lệ phí : 200.000 Đồng (Đối với bản ghi âm Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).) Lệ phí : 300.000 Đồng (Đối với bản ghi hình Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: 300.000	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/4/ của Chính phủ - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

			quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.			đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).) Lệ phí : 2.000.000 Đồng (Đối với bản ghi âm Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.) Lệ phí : 2.500.000 Đồng (Đối với bản ghi hình Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: - Đối với bản ghi hình: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát,	
--	--	--	--	--	--	--	--

						bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.)	
VII	Lĩnh vực Thư viện: 03 TTHC						
50	1.008895.000.00.00.H50	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
51	1.008896.000.00.00.H50	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5

		công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam					năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
52	1.008897.000.00.00. H50	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
VIII Lĩnh vực Gia đình: 12 TTHC							
53	1.005441.000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

54	1.001420. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
55	1.001407. 000.00.00. H50	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
56	2.001414. 000.00.00. H50	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12

							năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
57	1.000919. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
58	1.000817. 000.00.00. H50	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
59	1.000454. 000.00.00.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Trực tiếp/ qua dịch vụ	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

	H50	nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình		hành chính công tỉnh	bưu chính		- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
60	1.000433. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
61	1.000379. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3

							năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
62	1.000104.000.00.00.H50	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
63	2.000022.000.00.00.H50	Thủ tục Cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ

							Văn hóa, Thể thao và Du lịch
64	1.003310. 000.00.00. H50	Thủ tục Cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy . - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
IX	Lĩnh vực Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ: 01 TTHC						
65	1.004723. 000.00.00. H50	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Thông tư 30/2012/TT-BCA ngày 29/05/2012 của Bộ Công - Thông tư 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/07/2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
X	Lĩnh vực Lữ hành: 20 TTHC						
66	1.003490. 000.00.00. H50	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	60 ngày (- Sở Văn hóa, Thể thao và Du	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/ - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm

			lịch: 45 ngày; - Ủy ban nhân dân tỉnh: 15 ngày)				2017 của Chính - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 115/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
67	1.004528.000.00.00.H50	Thủ tục công nhận điểm du lịch	30 ngày (- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 20 ngày - Ủy ban nhân dân tỉnh 10 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017 - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 115/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
68	2.001628.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09- Luật Du lịch số 09/2017 - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 115/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-

							BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính
69	2.001616.000.00.00.H50	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	750.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09- Luật Du lịch số 09/2017 - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 115/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính
70	2.001622.000.00.00.H50	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	1.500.000 đồng	- Luật Du lịch số 09- Luật Du lịch số 09/2017 - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 115/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm

							2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính
71	2.001611.000.00.00.H50	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

72	2.001589. 000.00.00. H50	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
73	1.003742. 000.00.00. H50	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12

		doanh nghiệp phá sản					năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
74	1.001837. 000.00.00. H50	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
75	1.001440. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	100.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính
76	1.004605. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14

		kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế		công tỉnh			- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
77	1.003717.000.00.00.H50	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	3.000.000 đồng	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

			viên.				
78	1.003240. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1.500.000 đồng	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
79	1.003275. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1.500.000 đồng	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
80	1.005161. 000.00.00. H50	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1.500.000 đồng	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14

		phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam	công tỉnh			- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
--	--	--	---	-----------	--	--	---

			kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.				
81	1.003002.000.00.00.H50	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	1.500.000 đồng	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
82	1.004628.000.00.00.H50	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/trực tuyến/qua dịch vụ bưu chính	325.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm

							2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính
83	1.004623. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	325.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính
84	1.001432. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	325.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 120/2021/TT-

							BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính
85	1.004614. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; - 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính
XI	Lĩnh vực Dịch vụ du lịch khác: 09 TTHC						
86	1.004594. 000.00.00. H50	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch.	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	- 1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao; - 2.000.000 đồng/ hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

87	1.004551. 000.00.00. H50	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1.000.000 đồng/ hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
88	1.004503. 000.00.00. H50	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1.000.000 đồng/ hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
89	1.001455. 000.00.00. H50	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1.000.000 đồng/ hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

90	1.004580. 000.00.00. H50	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1.000.000 đồng/ hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
91	1.004572. 000.00.00. H50	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	1.000.000 đồng/ hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
92	1.008027. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2017
93	1.008028. 000.00.00.	Thủ tục cấp đổi biển hiệu	02 ngày làm việc đối với phương	Trung tâm Phục vụ	Trực tiếp/ qua dịch vụ		- Luật Du lịch số

	H50	phương tiện vận tải khách du lịch	tiện là xe ô tô và 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	hành chính công tỉnh	bưu chính	Không	09/2017/QH14 - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2017
94	1.008029.000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại biển hiệu, Sở Giao thông vận tải xem xét, cấp lại biển hiệu cho phương tiện vận tải	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ
XII	Lĩnh vực Thể dục thể thao: 35 TTHC						
95	1.002445.000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ
96	1.002396.000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ
97	1.003441.000.00.00.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Trực tiếp/qua dịch vụ	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính

	H50	đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận		hành chính công tỉnh	bưu chính		phủ
98	1.000983.000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao
99	1.002022.000.00.00. H50	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật số 26/2018/QH14 ngày 14/06/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao
100	1.002013.000.00.00. H50	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật số 26/2018/QH14 ngày 14/06/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao

101	1.001782. 000.00.00. H50	Thủ tục đăng cai giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật số 26/2018/QH14 ngày 14/06/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao
102	1.000953. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
103	1.000936. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

104	1.000920. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
105	1.001195. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ - Thông tư 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
106	1.000904. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

		môn Karate					- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
107	1.000883.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/trực tuyến/quá dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
108	1.000863.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/quá dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018

							của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
109	1.000847. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ - Thông tư 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch .
110	1.000830. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy - Thông tư 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

111	1.000814. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ - Thông tư 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
112	1.000644. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
113	1.000842. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

							- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ - Thông tư 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
114	1.005163.000.00.00.H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/trực tuyến/quá dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
115	2.002188.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/quá dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018

							của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
116	1.000594. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ - Thông tư 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
117	1.000560. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
118	1.000544. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một

		động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam					số điều của Luật Thể dục, thể thao - Nghị định số 36/2019/NĐ- CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 14/2018/TT- BVHTTDL ngày 09/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
119	1.001213. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao - Nghị định số 36/2019/NĐ- CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 17/2018/TT- BVHTTDL ngày 16/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư 04/2019/TT- BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
120	1.000518. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao

		môn Bóng đá					- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ - Thông tư 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
121	1.000501.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
122	1.000485.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018

							của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Quyết định số 4659/QĐ-BVHTTDL ngày 18/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đính chính Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL
123	1.005357.000.00.00.H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
124	1.001801.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày

							14/06/2018; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
125	1.001500.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
126	1.005162.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao .

							- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9 /2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
127	1.001517.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
128	1.001527.000.00.00.H50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính

							phủ. - Thông tư 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
129	1.001056. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tổng cộng: 129 TTHC

Phụ lục 2.**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

SST T	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở: 11 TTHC						
1	1.000903. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke: <i>1. Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</i> - Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 4.000.000 đồng/giấy; - Từ 04 đến 05 phòng mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy - Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/ TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.

						đồng/giấy. 2. <i>Tại khu vực khác:</i> - Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/giấy; - Từ 04 đến 05 phòng mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy - Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy.	
2	1.000831.000.00.00.H50	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	04 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke: 1. <i>Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</i> Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/ TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.

						đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/ lần thẩm định. 2. <i>Tại khu vực khác:</i> Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/ lần thẩm định. 3. <i>Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke:</i> Đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.	
3	1.004648.000.00.00.	Thủ tục công nhận lần đầuCơ	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Trực tiếp	Không	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/09/2014 của

	H50	quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.		của UBND cấp huyện			Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
4	1.004646.000.00.00. H50	Thủ tục công nhận lần đầu Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
5	1.004644.000.00.00. H50	Thủ tục công nhận lại Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
6	1.004634.000.00.00. H50	Thủ tục công nhận lần đầu Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
7	1.004622.000.00.00. H50	Thủ tục công nhận lại Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
8	2.000440.	Thủ tục xét tặng	5 ngày làm việc	Bộ phận	Trực tiếp	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP

	000.00.00. H50	danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm		tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện			ngày 17/09/2018 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Áp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa"
9	1.000933. 000.00.00. H50	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	8 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Áp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa"
10	1.003645. 000.00.00. H50	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/08/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội
11	1.003635. 000.00.00. H50	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/08/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội
II	Lĩnh vực Thư viện: 03 TTHC						
12	1.008898. 000.00.00. H50	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT- BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm

		khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng					2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.
13	1.008899.000.00.00. H50	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch .
14	1.008900.000.00.00. H50	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/ trực tuyến/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

		cộng đồng					
III	Lĩnh vực gia đình: 06 TTHC						
14	1.003243. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật 02/2007/QH12-Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ - Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/03/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 20/02/2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL.
16	1.003226. 000.00.00. H50	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật 02/2007/QH12-Phòng, chống bạo lực gia đình - Nghị định 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ - Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/03/2010 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, TT&DL - Thông tư 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 20/02/2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL.
17	1.003185. 000.00.00.	Thủ tục đổi Giấy chứng	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Trực tiếp/ qua dịch vụ	Không	- Luật 02/2007/QH12-Phòng, chống bạo lực gia đình ngày

	H50	nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)		của UBND cấp huyện	bưu chính		21/11/2007; - Nghị định 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ - Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/03/của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, TT&DL - Thông tư 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 20/02/2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL.
18	1.003140.000.00.00.H50	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật 02/2007/QH12-Phòng, chống bạo lực gia đình; - Nghị định 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ. - Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, TT&DL - Thông tư 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 20/02/2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL.
19	1.003103.000.00.00.H50	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật 02/2007/QH12-Phòng, chống bạo lực gia đình. - Nghị định 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, TT&DL - Thông tư 23/2014/TT-

		dân cấp huyện)					BVHTTDL ngày 20/02/2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL
20	1.001874. 000.00.00. H50	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật 02/2007/QH12-Phòng, chống bạo lực gia đình. - Nghị định 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, TT&DL - Thông tư 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 20/02/2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch sửa đổi Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL

Tổng cộng: 20 TTHC

Phụ lục 3.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I Lĩnh vực Văn hóa cơ sở: 03 TTHC							
1	1.000954.000.00.00.H50	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ
2	1.001120.000.00.00.H50	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ
3	1.003622.000.00.00.H50	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/08/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội
II Lĩnh vực Thư viện: 03 TTHC							
4	1.008901.000.00.00.H50	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm

							2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	1.008902.000.00.00.H50	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 /8 2020 của Chính phủ - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	1.008903.000.00.00.H50	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp/qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 /8 2020 của Chính phủ - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
III	Lĩnh vực Thể dục thể thao: 01 TTHC						
7	2.000794.000.00.00.H50	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	7 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trực tiếp	Không	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 . - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du .

Tổng cộng: 07 TTHC.

Tổng cộng cả 3 cấp (cấp tỉnh, huyện, xã): 156 thủ tục hành chính ./.